

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2025

“ V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Phụng

Bà Lâm Thị Ngọc Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Thanh Tòng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Thùy Tr, sinh năm 1987 (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: số Đ, khu phố 4, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: số 598, ấp H, xã TK, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Thùy Tr trình bày:**

- Về hôn nhân: Năm 2012, chị Tr với anh E1 do mai mối nên biết nhau, sau thời gian tìm hiểu có tổ chức lễ cưới với nhau, Ngày 17/4/2012 thì chị Tr và anh E1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T K, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn với nhau, chị Tr với anh E1 sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và thật sự ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh E1 không lo cho vợ con, chỉ biết nghĩ cho gia đình bên anh E1 từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể

hàn gắn để chung sống với anh E1 được nữa. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E1.

- Về con chung: Chị Tr và ông E1 có con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/10/2012. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cháu Toàn, không yêu cầu anh E1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- **Bị đơn anh Nguyễn Hoàng E1 trình bày:** anh Hoàng E1 thống nhất với lời trình bày của chị Trang về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh E1 vẫn còn thương chị Tr nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Bùi Thị Thùy Tr.

Về con chung: Anh E1 thống nhất quá trình sống chung với chị Tr có con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/10/2012 (cháu T đang sống với chị Tr) . Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr thì con chung Nguyễn Quốc T muốn sống với ai thì anh không ý kiến, tôn trọng ý kiến của con, không tranh chấp vấn đề này.

Về tài sản chung: Anh E1 và chị Tr1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Hoàng E1; Giao con chung Nguyễn Quốc T cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng; anh E1 không cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không có yêu cầu. Về nợ chung: chị Tr và anh E1 không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện nộp ngày 27 tháng 11 năm 2024 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Hoàng E1 có địa chỉ thường trú tại ấp H, xã TK, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tr có đơn xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Thùy Tr. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn chị Tr.

[3] Về hôn nhân: Chị Tr và anh E1 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TK, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 vào ngày 17 tháng 4 năm 2012 đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh E1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 9/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do anh E1 không lo vợ con, chỉ nghĩ cho bản thân và gia đình bên chồng; chị Tr đã nhiều lần khuyên ngăn để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau chăm lo cho nuôi con nhưng không được. Do đó, chị Tr đã ly thân anh E1 từ tháng 9/2024 cho đến nay. Từ khi vợ chồng xa nhau đến nay không đoàn tụ được, cuộc sống vợ chồng mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định tình trạng hôn nhân của chị Tr và anh E1 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, dẫn đến chị Tr không còn chung sống với anh E1; tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh E1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh E1 không đồng ý ly hôn với chị Tr, anh cho rằng còn thương chị Tr và con, anh muốn hàn gắn lại cuộc hôn nhân này. Tuy nhiên, từ khi ly thân chị Tr đến nay anh E1 cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau chăm lo, chăm sóc giáo dục con chung. Anh E1 thừa nhận đã ly thân chị Tr về sinh sống tại ấp H, xã TK, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cũng phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị Tr. Hơn nữa, anh E1 cho rằng chị Tr có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng anh E1 cũng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, xét lời trình bày của anh E1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị Tr và anh E1 có con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/10/2012. Sau khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh E1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo quy định pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Mặt khác, chị Tr và anh E1 ly thân từ tháng 9/2024 đến nay, thì chị Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu Nguyễn Quốc T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần như bao đứa trẻ khác. Đồng thời cháu T có nguyện vọng sống với chị Tr sau khi chị Tr và anh E1 ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Tr là có cơ sở, nên việc tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Quốc T cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu anh E1 cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

Sau khi ly hôn, chị Tr, anh E1 và các thành viên gia đình không được cản trở anh E1 và chị Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: chị Tr và anh E1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Tr với anh E1 thống nhất không có nợ chung và cũng không cho ai nợ.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy Tr phải chịu án phí theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Bùi Thị Thùy Tr phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thùy Tr, cho chị Bùi Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/10/2012 (cháu T đang sống với chị Tr) cho chị Bùi Thị Thùy Tr được tiếp tục nuôi dưỡng; anh E1 không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Thùy Tr cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng E1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Quốc T. Anh E1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trang.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001617 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Anh Nguyễn Hoàng E1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Tr vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã TK;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Mân

